TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **358**/2023/QĐST-HNGĐ	*Gò Công Tây, ngày 18 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 294/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hạnh N** - sinh năm 1990.

Nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện Gò Công T, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp L, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Huyền Phong** - sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hạnh N và anh Đặng Huyền P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hạnh N và anh Đặng Huyền P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị thống nhất giao cháu Đặng Nguyễn Khánh H, sinh

ngày 11/01/2016 và cháu Đặng Trung K, sinh ngày 16/4/2022 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng, thực hiện cấp dưỡng cụ thể như sau:

Đối với cháu Đặng Nguyễn Khánh H:

+ Từ tháng 4/2025 đến tháng 6/2026: 4.000.000 đồng/tháng.

+ Từ tháng 6/2026 đến tháng 6/2029: 4.500.000 đồng/tháng.

+ Từ tháng 6/2029 đến tháng 6/2032: 5.000.000 đồng/tháng.

+ Từ tháng 6/2032 đến tháng 1/2034: 5.500.000 đồng/tháng.

Đối với cháu Đặng Trung K:

+ Từ tháng 4/2025 đến tháng 6/2026: 4.000.000 đồng/tháng.

+ Từ tháng 6/2026 đến tháng 6/2029: 4.500.000 đồng/tháng.

+ Từ tháng 6/2029 đến tháng 6/2032: 5.000.000 đồng/tháng.

+ Từ tháng 6/2032 đến tháng 6/2035: 5.500.000 đồng/tháng.

+ Từ tháng 6/2035 đến tháng 6/2038: 6.000.000 đồng/tháng.

+ Từ tháng 6/2038 đến tháng 4/2040: 6.500.000 đồng/tháng.

Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị N và các thành viên trong gia đình chị N không được ngăn cản.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Và nợ chung: Anh chị thống nhất không có.

- Về án phí: Chị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011601 ngày 17/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên chị N đã nộp xong án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Thị Kiều Oanh